

KẾ HOẠCH
Đối sánh chất lượng giáo dục năm học 2021 - 2022

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Kế hoạch số 147/KH-ĐHHL ngày 13 tháng 09 năm 2021 về công tác Đảm bảo chất lượng năm học 2021 – 2022;

Nhà trường xây dựng kế hoạch đối sánh chất lượng giáo dục của Nhà trường năm học 2021- 2022, như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

Thực hiện việc đối sánh nhằm làm rõ hơn nữa những ưu điểm, hạn chế và mức độ đáp ứng các hoạt động của Nhà trường so với Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Từ đó làm căn cứ để xây dựng mục tiêu, các giải pháp cải tiến chất lượng để không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Các kết quả, báo cáo đối sánh chất lượng về các hoạt động của Nhà trường là dữ liệu, minh chứng phục vụ hoạt động kiểm định do đó phải được thực hiện nghiêm túc, chính xác, phản ánh trung thực các kết quả đạt được của Trường Đại học Hoa Lư so với các đối tác; các giải pháp cải tiến chất lượng phải có tính khả thi.

2. Hình thức, tiêu chí lựa chọn đối tác và phạm vi đối sánh

a. Hình thức đối sánh

- Đối sánh nội bộ: So sánh dữ liệu/kết quả về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Nhà trường/đơn vị giữa các năm học hoặc năm tài chính.

- Đối sánh ngoài: So sánh dữ liệu/kết quả về các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Trường Đại học Hoa Lư với cơ sở giáo dục đại học khác (đối tác) theo các năm học hoặc năm tài chính.

b Tiêu chí lựa chọn đối tác: Là các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó ưu tiên chọn các trường có các đặc điểm sau:

+ Các cơ sở giáo dục đại học công lập, có uy tín, đã được kiểm định hoặc công nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.

+ Ưu tiên lựa chọn các đối tác có sự tương đồng về quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ ngành đào tạo tương tự như Trường Đại học Hoa Lư.

c. Phạm vi đối sánh

Các hoạt động có số liệu theo năm học lấy theo kết quả các năm học 2019-2020, 2020 - 2021; các hoạt động có số liệu theo năm tài chính lấy theo kết quả các năm 2020, 2021. Riêng đối với các chương trình đào tạo thực hiện đối sánh các tiêu chí của các chương trình đào tạo đang thực hiện chỉnh sửa (D15, C29).

3. Quy trình và thời gian thực hiện

Bước	Trình tự thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Xác định đối tác (<i>đối sánh ngoài</i>).	15/4/2022-30/4/2022.
2.	Tập hợp dữ liệu/kết quả các nội dung, tiêu chí đối sánh các hoạt động theo năm học hoặc năm tài chính của Nhà trường và của đối tác; Kiểm tra dữ liệu trước khi đối sánh.	1/5/2022-20/5/2022.
3.	- Thực hiện thống kê, so sánh dữ liệu/kết quả các hoạt động của Nhà trường giữa các năm với nhau (<i>đối sánh nội bộ</i>). - Thực hiện thống kê, so sánh dữ liệu/kết quả các hoạt động của Nhà trường với dữ liệu/kết quả của đối tác giữa các năm (<i>đối sánh ngoài</i>).	21/5/2022-31/5/2022.
4.	- Xây dựng báo cáo kết quả đối sánh, đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng các hoạt động theo nhiệm vụ được phân công. - Gửi báo cáo kết quả đối sánh về phòng Quản lý chất lượng. - Tổng hợp báo cáo đối sánh trình lãnh đạo trường phê duyệt.	1/6/2022-20/6/2022. Trước 21/6/2022 Trước 30/6/2022
5.	Thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.	Theo kế hoạch

3. Phân công thực hiện

a. Các đơn vị liên quan

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ việc phân công thực hiện đối sánh các hoạt động và xây dựng báo cáo, cụ thể như sau:

STT	Nội dung/ tiêu chí đối sánh	Đối sánh nội bộ	Đối sánh ngoài	Đơn vị thực hiện
1. Chất lượng đào tạo				
1.1.	Tỷ lệ thí sinh trúng tuyển, nhập học (đối sánh từng ngành và toàn trường theo các năm của hệ chính quy).	X		Phòng Đào tạo-Quản lý khoa học
1.2.	Tỷ lệ tốt nghiệp; thời học; thời gian tốt nghiệp trung bình của người học (đối sánh từng ngành và toàn trường theo các năm của hệ chính quy).	X		
1.3.	Tỷ lệ có việc làm của người học sau 12 tháng tốt nghiệp (đối sánh từng ngành và toàn trường theo các năm của hệ chính quy).	X		Phòng Chính trị và công tác Học sinh-Sinh viên
1.4.	Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học tốt nghiệp (đối sánh từng ngành và toàn trường theo các năm của hệ chính quy).	X		
2. Chương trình đào tạo				
2.1.	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào		X	

	tạo.			Các khoa quản lý chương trình đào tạo
2.2.	Khối lượng kiến thức toàn khóa (<i>Số tín chỉ, số lượng các học phần, khối lượng kiến thức giáo dục đại cương, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khối lượng kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo</i>).		X	
2.3.	Tỉ lệ các học phần thực hành, rèn nghề, học phần tự chọn của chương trình đào tạo.		X	
2.4	Cấu trúc của đề cương chi tiết, số học phần được thêm mới/thay đổi trong chương trình, các thay đổi khác...so với chương trình khóa D14, C28	X		
3. Hoạt động nghiên cứu khoa học				
3.1.	Loại hình và khối lượng nghiên cứu, các công bố khoa học của giảng viên (<i>đối sánh toàn trường theo các năm</i>).	X	X	Phòng Đào tạo – Quản lý khoa học
3.2.	Loại hình và khối lượng nghiên cứu của sinh viên (<i>đối sánh toàn trường theo các năm của hệ chính quy</i>).	X	X	
3.4.	Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu	X		

	(đối sánh toàn trường theo các năm).			
4. Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng				
4.1.	Loại hình và khối lượng các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng (đối sánh toàn trường theo các năm).	X		Phòng Chính trị và công tác Học sinh-Sinh viên
4.2.	Kết quả các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng (đối sánh toàn trường theo các năm).	X		
4.3.	Sự hài lòng của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng (đối sánh toàn trường theo các năm).	X		

b. Phòng Quản lý chất lượng

Là đầu mối xây dựng kế hoạch về hoạt động đối sánh; Theo dõi tình hình, tiến độ thực hiện tại các đơn vị; tổng hợp kết quả, báo cáo đối sánh trình Ban Giám hiệu phê duyệt.

Trên đây là kế hoạch đối sánh chất lượng các hoạt động của Nhà trường. Hiệu trưởng yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan nghiêm túc thực hiện đúng kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (Để chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (Để thực hiện);
- Lưu VT, QLCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. TẠ HOÀNG MINH**

PHỤ LỤC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
ĐƠN VỊ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐHHL

, ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

Kết quả đối sánh chất lượng giáo dục năm học

1. Tóm tắt quy trình thực hiện

1.1. Nội dung/Tiêu chí đối sánh

(Các nội dung được phân công theo kế hoạch)

1.2. Đơn vị lựa chọn đối sánh

(Các đơn vị hoặc đối tác được lựa chọn)

2. Kết quả so sánh (lượng hóa theo từng tiêu chí)

(Lập bảng so sánh dữ liệu/Kết quả của từng tiêu chí)

3. Đánh giá kết quả đối sánh

3.1. Điểm mạnh

3.2. Điểm tồn tại

3.3. Đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng

.....

.....

.....

.....

.....

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ